CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ ĐÔNG NAM
Trụ sở: Số 429A, KP. 3, P. TRUNG MỸ TÂY, Q. 12, TP. HCM
VPGD : Số 12 đường DC1 Phường Sơn Kỳ Quận Tân Phú, TPHCM
Tel: (08) 62.573.288 / 0944.934.114
Email: sale01.donatech@gmail.com - pcccdongnam@gmail.com

CATALOGUE BÌNH CHỮA CHÁY VIỆT NAM

1. Bình chữa cháy khí CARBON DIOXIDE loại 3kg Tên hiệu sản phẩm: DRAGON Model: MT 3

STT	Nội dung	Thông số
1	Công suất chữa cháy	1A.34B
2	Khoảng cách phun (Mét)	3.5
3	Thời gian phun hiệu quả ~ 20oC (S)	22
4	Trọng lượng chất dập lửa (Kg)	3.0
5	Tổng trọng lượng của thiết bị dập lửa (Kg)	10,80
6	Áp suất khí (Mpa)	15
7	Kiểm tra thủy lực (Mpa)	22,5
8	Độ dày của thân bình (mm)	4.0
9	Thể tích giãn nở thân bình (%)	3.1
10	Nhiệt độ làm việc ổn định	(-20oC ~ + 60oC)
11	Độ trễ phun dưới nhiệt độ cao (S)	0
12	Tỉ lệ thừa sau khi phun dưới nhiệt độ cao (%)	1.2
13	Độ trễ phun dưới nhiệt độ thấp (S)	0
14	Tỉ lệ thừa sau khi phun dưới nhiệt độ thấp (%)	3,7
15	Ngoại hình	Đỏ

16	Chiều cao (mm)	510
17	Đường kính(mm)	133
1. Vật liệu vỏ bình: Thép Cacbon dẻo. 2. Kỹ thuật sản xuất vỏ bình: Đúc liền khối 3. Thành phần chất chữa cháy chính: Khí CO_2 nguyên chất		

2. Bình chữa cháy khí CARBON DIOXIDE loại 5kg Tên hiệu sản phẩm: DRAGON Model: MT 5

STT	Nội dung	Thông số
1	Công suất chữa cháy	1A.55B
2	Khoảng cách phun (Mét)	4.0
3	Thời gian phun hiệu quả ~ 20oC (S)	30
4	Trọng lượng chất dập lửa (Kg)	4,97
5	Tổng trọng lượng của thiết bị dập lửa (Kg)	16.80
6	Áp suất khí (Mpa)	15
7	Kiểm tra thủy lực (Mpa)	22,5
8	Độ dày của thân bình (mm)	5.0
9	Thể tích giãn nở thân bình (%)	3.2
10	Nhiệt độ làm việc ổn định	(-20oC ~ + 60oC)
11	Độ trễ phun dưới nhiệt độ cao (S)	0
12	Tỉ lệ thừa sau khi phun dưới nhiệt độ cao (%)	1,0
13	Độ trễ phun dưới nhiệt độ thấp (S)	0
14	Tỉ lệ thừa sau khi phun dưới nhiệt độ thấp (%)	4,1

15	Ngoại hình	Đỏ
16	Chiều cao (mm)	640
17	Đường kính (mm)	152
1. Vật liệu vỏ bình: Thép Cacbon dẻo. 2. Kỹ thuật sản xuất vỏ bình: Đúc liền khối 3. Thành phần chất chữa cháy chính: Khí CO_2 nguyên chất		

3. Bình chữa cháy hiệu DRAGON loại bột ABC 1kg Tên hiệu sản phẩm: DRAGON Model: MFZL 1

STT	Nội dung	Thông số
1	Công suất chữa cháy	1A.21B.C
2	Khoảng cách phun (Mét)	1.5
3	Thời gian phun hiệu quả ~ 20oC (S)	10
4	Trọng lượng chất dập lửa (Kg)	1,0
5	Tổng trọng lượng của thiết bị dập lửa (Kg)	1,6
6	Áp suất khí dẫn (Mpa)	1,2
7	Kiểm tra thủy lực (Mpa)	2,5
8	Độ dày của thân bình (mm)	1,0
9	Thể tích giãn nở thân bình (%)	24,3
10	Nhiệt độ làm việc ổn định	-20oC ~ + 60oC
11	Độ trễ phun dưới nhiệt độ cao (S)	0
12	Tỉ lệ thừa sau khi phun dưới nhiệt độ cao (%)	3,7
13	Độ trễ phun dưới nhiệt độ thấp (S)	0
14	Tỉ lệ thừa sau khi phun dưới nhiệt độ thấp (%)	4,7

15	Ngoại hình	Màu đỏ
1.Vật liệu vỏ bình: Thép Cacbon dẻo. 2.Kỹ thuật sản xuất vỏ bình: Hút liền 3.Thành phần chất chữa cháy chính: NH4H2PO4; (NH4)2SO4…		

4. **Bình chữa cháy hiệu DRAGON loại bột ABC 2kg Tên hiệu sản phẩm: DRAGON Model: MFZL2**

STT	Nội dung	Thông số
1	Công suất chữa cháy	1A.21B.C
2	Khoảng cách phun (Mét)	1.5
3	Thời gian phun hiệu quả ~ 20oC (S)	10
4	Trọng lượng chất dập lửa (Kg)	2,0
5	Tổng trọng lượng của thiết bị dập lửa (Kg)	2,8
6	Áp suất khí dẫn (Mpa)	1,2
7	Kiểm tra thủy lực (Mpa)	2,5
8	Độ dày của thân bình (mm)	1,0
9	Thể tích giãn nở thân bình (%)	24,3
10	Nhiệt độ làm việc ổn định	-20oC ~ + 60oC
11	Độ trễ phun dưới nhiệt độ cao (S)	0
12	Tỉ lệ thừa sau khi phun dưới nhiệt độ cao (%)	3,7
13	Độ trễ phun dưới nhiệt độ thấp (S)	0
14	Tỉ lệ thừa sau khi phun dưới nhiệt độ thấp (%)	4,7
15	Ngoại hình	Màu đỏ
1.Vật liệu vỏ bình: Thép Cacbon dẻo. 2.Kỹ thuật sản xuất vỏ bình: Hút liền 3.Thành phần chất chữa cháy chính: NH4H2PO4; (NH4)2SO4…		

5. Bình chữa cháy hiệu DRAGON loại bột ABC 4kg Tên hiệu sản phẩm: DRAGON Model: MFZL4

STT	NỘI DUNG	THỐNG SỐ
1	Công suất chữa cháy	2A.55B.C
2	Khoảng cách phun (Mét)	3,8
3	Thời gian phun hiệu quả ~ 20oC (S)	13
4	Trọng lượng chất dập lửa (Kg)	4,0
5	Tổng trọng lượng của thiết bị dập lửa (Kg)	5,6
6	Áp suất khí dẫn (Mpa)	1,2
7	Kiểm tra thủy lực (Mpa)	2,5
8	Độ dày của thân bình (mm)	1,2
9	Thể tích giãn nở thân bình (%)	24,3
10	Nhiệt độ làm việc ổn định	-20oC ~ + 60oC
11	Độ trễ phun dưới nhiệt độ cao (S)	0
12	Tỉ lệ thừa sau khi phun dưới nhiệt độ cao (%)	3,7
13	Độ trễ phun dưới nhiệt độ thấp (S)	0
14	Tỉ lệ thừa sau khi phun dưới nhiệt độ thấp (%)	4,7
15	Chiều cao (mm)	480
16	Đường kính (mm)	130
17	Ngoại hình	Màu đỏ
1.Vật liệu vỏ bình: Thép Cacbon dẻo. 2.Kỹ thuật sản xuất vỏ bình: Hút liền 3.Thành phần chất chữa cháy chính: NH4H2PO4; (NH4)2SO4…		

6. Bình chữa cháy tự động hiệu DRAGON loại bột ABC 6kg Tên hiệu sản phẩm: DRAGON Model: XZFT6

STT	Nội dung	Thông số
1	Công suất chữa cháy	2A.55B.C
2	Khoảng cách phun (Mét)	3,8
3	Thời gian phun hiệu quả ~ 20oC (S)	11
4	Trọng lượng chất dập lửa (Kg)	6,0
5	Tổng trọng lượng của thiết bị dập lửa (Kg)	9,0
6	Áp suất khí dẫn (Mpa)	1,2
7	Kiểm tra thủy lực (Mpa)	3,0
8	Độ dày của thân bình (mm)	1,6
9	Thể tích giãn nở thân bình (%)	24,3
10	Nhiệt độ làm việc ổn định	-20oC ~ + 60oC
11	Độ trễ phun dưới nhiệt độ cao (S)	0
12	Tỉ lệ thừa sau khi phun dưới nhiệt độ cao (%)	0,7
13	Độ trễ phun dưới nhiệt độ thấp (S)	0
14	Tỉ lệ thừa sau khi phun dưới nhiệt độ thấp (%)	0,7
15	Chiều cao (mm)	310
16	Đường kính (mm)	270
17	Ngoại hình	Màu đỏ
18	Nhiệt dộ tự động phun	68oC

1. Vật liệu vỏ bình: Thép Cacbon dẻo.
2. Kỹ thuật sản xuất vỏ bình: Hút liền
3. Thành phần chất chữa cháy chính: **$NH_4H_2PO_4$; $(NH_4)_2SO_4$…**

7. Bình chữa cháy hiệu DRAGON loại bột ABC 8kg Tên hiệu sản phẩm: DRAGON Model: MFZL8

STT	Nội dung	Thông số
1	Công suất chữa cháy	4A.89B.C
2	Khoảng cách phun (Mét)	4,9
3	Thời gian phun hiệu quả ~ 20oC (S)	13
4	Trọng lượng chất dập lửa (Kg)	8,0
5	Tổng trọng lượng của thiết bị dập lửa (Kg)	11,0
6	Áp suất khí dẫn (Mpa)	1,2
7	Kiểm tra thủy lực (Mpa)	2,5
8	Độ dày của thân bình (mm)	1,4
9	Thể tích giãn nở thân bình (%)	26,5
10	Nhiệt độ làm việc ổn định	-20oC ~ + 60oC
11	Độ trễ phun dưới nhiệt độ cao (S)	0
12	Tỉ lệ thừa sau khi phun dưới nhiệt độ cao (%)	5,0
13	Độ trễ phun dưới nhiệt độ thấp (S)	0
14	Tỉ lệ thừa sau khi phun dưới nhiệt độ thấp (%)	5,1
15	Ngoại hình	Đỏ

1. Vật liệu vỏ bình: Thép Cacbon dẻo.
2. Kỹ thuật sản xuất vỏ bình: Hút liền
3. Thành phần chất chữa cháy chính: **$NH_4H_2PO_4$; $(NH_4)_2SO_4$…**

8. Bình chữa cháy tự động hiệu DRAGON loại bột ABC 8kg Tên hiệu sản phẩm: DRAGON Model: XZFT8

STT	Nội dung	Thông số
1	Công suất chữa cháy	4A.89B.C
2	Khoảng cách phun (Mét)	4,9
3	Thời gian phun hiệu quả ~ 20oC (S)	13
4	Trọng lượng chất dập lửa (Kg)	8,0
5	Tổng trọng lượng của thiết bị dập lửa (Kg)	11,25
6	Áp suất khí dẫn (Mpa)	1,2
7	Kiểm tra thủy lực (Mpa)	3,0
8	Độ dày của thân bình (mm)	1,6
9	Thể tích giãn nở thân bình (%)	26,5
10	Nhiệt độ làm việc ổn định	-20oC ~ + 60oC
11	Độ trễ phun dưới nhiệt độ cao (S)	0
12	Tỉ lệ thừa sau khi phun dưới nhiệt độ cao (%)	0,8
13	Độ trễ phun dưới nhiệt độ thấp (S)	0
14	Tỉ lệ thừa sau khi phun dưới nhiệt độ thấp (%)	0,8
15	Chiều cao (mm)	350
16	Đường kính (mm)	302
17	Ngoại hình	Đỏ
18	Nhiệt dộ tự động phun	68oC
1. Vật liệu vỏ bình: Thép Cacbon dẻo. 2. Kỹ thuật sản xuất vỏ bình: Hút liền **3.** Thành phần chất chữa cháy chính: **$NH_4H_2PO_4$; $(NH_4)_2SO_4$…**		

9. Bình chữa cháy hiệu DRAGON loại bột ABC 35kg
Tên hiệu sản phẩm: DRAGON Model: MFTZL35

STT	Nội dung	Thông số
1	Công suất chữa cháy	6A.144B.C
2	Khoảng cách phun (Mét)	4,5
3	Thời gian phun hiệu quả ~ 20oC (S)	27
4	Trọng lượng chất dập lửa (Kg)	35
5	Tổng trọng lượng của thiết bị dập lửa (Kg)	51
6	Áp suất khí dẫn (Mpa)	1,5
7	Kiểm tra thủy lực (Mpa)	2,5
8	Độ dày của thân bình (mm)	2,0
9	Thể tích giãn nở thân bình (%)	26,5
10	Nhiệt độ làm việc ổn định	-20oC ~ + 60oC
11	Độ trễ phun dưới nhiệt độ cao (S)	0
12	Tỉ lệ thừa sau khi phun dưới nhiệt độ cao (%)	7,0
13	Độ trễ phun dưới nhiệt độ thấp (S)	0
14	Tỉ lệ thừa sau khi phun dưới nhiệt độ thấp (%)	8,1
15	Ngoại hình	Đỏ

1. Vật liệu vỏ bình: Thép Cacbon dẻo.
2. Kỹ thuật sản xuất vỏ bình: Hút liền
3. Thành phần chất chữa cháy chính: **$NH_4H_2PO_4$; $(NH_4)_2SO_4$…**

10.Bình chữa cháy hiệu DRAGON loại bột BC 4kg Tên hiệu sản phẩm: DRAGON Model: MFZ4

NỘI DUNG

STT	NỘI DUNG	MÔ TẢ
1	Công suất chữa cháy	.55B.C
2	Khoảng cách phun (Mét)	3,8
3	Thời gian phun hiệu quả ~ 20oC (S)	13
4	Trọng lượng chất dập lửa (Kg)	4,0
5	Tổng trọng lượng của thiết bị dập lửa (Kg)	5,6
6	Áp suất khí dẫn (Mpa)	1,2
7	Kiểm tra thủy lực (Mpa)	2,5
8	Độ dày của thân bình (mm)	1,2
9	Thể tích giãn nở thân bình (%)	24,3
10	Nhiệt độ làm việc ổn định	-20oC ~ + 60oC
11	Độ trễ phun dưới nhiệt độ cao (S)	0
12	Tỉ lệ thừa sau khi phun dưới nhiệt độ cao (%)	3,7
13	Độ trễ phun dưới nhiệt độ thấp (S)	0
14	Tỉ lệ thừa sau khi phun dưới nhiệt độ thấp (%)	4,7
15	Chiều cao (mm)	480
16	Đường kính (mm)	130
17	Ngoại hình	Màu đỏ
1. Vật liệu vỏ bình: Thép Cacbon dẻo. 2. Kỹ thuật sản xuất vỏ bình: Hút liền 3. Thành phần chất chữa cháy chính: NaHCO3…		

11.Bình chữa cháy tự động hiệu DRAGON loại bột BC 6kg

Tên hiệu sản phẩm: DRAGON

Model: XZFT6

NỘI DUNG

STT	Nội dung	Thông số
1	Công suất chữa cháy	55B.C
2	Khoảng cách phun (Mét)	3,8
3	Thời gian phun hiệu quả ~ 20oC (S)	11
4	Trọng lượng chất dập lửa (Kg)	6,0
5	Tổng trọng lượng của thiết bị dập lửa (Kg)	9,0
6	Áp suất khí dẫn (Mpa)	1,2
7	Kiểm tra thủy lực (Mpa)	3,0
8	Độ dày của thân bình (mm)	1,6
9	Thể tích giãn nở thân bình (%)	24,3
10	Nhiệt độ làm việc ổn định	-20oC ~ + 60oC
11	Độ trễ phun dưới nhiệt độ cao (S)	0
12	Tỉ lệ thừa sau khi phun dưới nhiệt độ cao (%)	0,7
13	Độ trễ phun dưới nhiệt độ thấp (S)	0
14	Tỉ lệ thừa sau khi phun dưới nhiệt độ thấp (%)	0,7
15	Chiều cao (mm)	310
16	Đường kính (mm)	270
17	Ngoại hình	Màu đỏ
18	Nhiệt dộ tự động phun	68oC

1. Vật liệu vỏ bình: Thép Cacbon dẻo.
2. Kỹ thuật sản xuất vỏ bình: Hút liền
3. Thành phần chất chữa cháy chính: **$NaHCO_3$**...

12.Bình chữa cháy hiệu DRAGON loại bột BC 8kg Tên hiệu sản phẩm: DRAGON Model: MFZ8

STT	Nội dung	Thông số
1	Công suất chữa cháy	89B.C
2	Khoảng cách phun (Mét)	4,9
3	Thời gian phun hiệu quả ~ 20oC (S)	13
4	Trọng lượng chất dập lửa (Kg)	8,0
5	Tổng trọng lượng của thiết bị dập lửa (Kg)	11,0
6	Áp suất khí dẫn (Mpa)	1,2
7	Kiểm tra thủy lực (Mpa)	2,5
8	Độ dày của thân bình (mm)	1,4
9	Thể tích giãn nở thân bình (%)	26,5
10	Nhiệt độ làm việc ổn định	-20oC ~ + 60oC
11	Độ trễ phun dưới nhiệt độ cao (S)	0
12	Tỉ lệ thừa sau khi phun dưới nhiệt độ cao (%)	5,0
13	Độ trễ phun dưới nhiệt độ thấp (S)	0
14	Tỉ lệ thừa sau khi phun dưới nhiệt độ thấp (%)	5,1
15	Chiều cao (mm)	535
16	Đường kính (mm)	180
17	Ngoại hình	Đỏ

1. Vật liệu vỏ bình: Thép Cacbon dẻo.
2. Kỹ thuật sản xuất vỏ bình: Hút liền
3. Thành phần chất chữa cháy chính: **$NaHCO_3$**

13.Bình chữa cháy tự động hiệu DRAGON loại bột BC 8kg Tên hiệu sản phẩm: DRAGON Model: XZFT8

NỘI DUNG

STT	Nội dung	Thông số
1	Công suất chữa cháy	89B.C
2	Khoảng cách phun (Mét)	4,9
3	Thời gian phun hiệu quả ~ 20oC (S)	13
4	Trọng lượng chất dập lửa (Kg)	8,0
5	Tổng trọng lượng của thiết bị dập lửa (Kg)	11,25
6	Áp suất khí dẫn (Mpa)	1,2
7	Kiểm tra thủy lực (Mpa)	3,0
8	Độ dày của thân bình (mm)	1,6
9	Thể tích giãn nở thân bình (%)	26,5
10	Nhiệt độ làm việc ổn định	-20oC ~ + 60oC
11	Độ trễ phun dưới nhiệt độ cao (S)	0
12	Tỉ lệ thừa sau khi phun dưới nhiệt độ cao (%)	0,8
13	Độ trễ phun dưới nhiệt độ thấp (S)	0
14	Tỉ lệ thừa sau khi phun dưới nhiệt độ thấp (%)	0,8
15	Chiều cao (mm)	350
16	Đường kính (mm)	302
17	Ngoại hình	Đỏ
18	Nhiệt dộ tự động phun	68oC

1. Vật liệu vỏ bình: Thép Cacbon dẻo.
2. Kỹ thuật sản xuất vỏ bình: Hút liền
3. Thành phần chất chữa cháy chính: **$NaHCO_3$**...

14. Bình chữa cháy hiệu DRAGON loại bột BC 35kg Tên hiệu sản phẩm: DRAGON Model: MFTZ35

STT	Nội dung	Thông số
1	Công suất chữa cháy	144B.C
2	Khoảng cách phun (Mét)	4,5
3	Thời gian phun hiệu quả ~ 20oC (S)	27
4	Trọng lượng chất dập lửa (Kg)	35
5	Tổng trọng lượng của thiết bị dập lửa (Kg)	51
6	Áp suất khí dẫn (Mpa)	1,5
7	Kiểm tra thủy lực (Mpa)	2,5
8	Độ dày của thân bình (mm)	2,0
9	Thể tích giãn nở thân bình (%)	26,5
10	Nhiệt độ làm việc ổn định	-20oC ~ + 60oC
11	Độ trễ phun dưới nhiệt độ cao (S)	0
12	Tỉ lệ thừa sau khi phun dưới nhiệt độ cao (%)	7,0
13	Độ trễ phun dưới nhiệt độ thấp (S)	0
14	Tỉ lệ thừa sau khi phun dưới nhiệt độ thấp (%)	8,1
15	Ngoại hình	Đỏ